FireAnt

CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam (HSX: BAF)

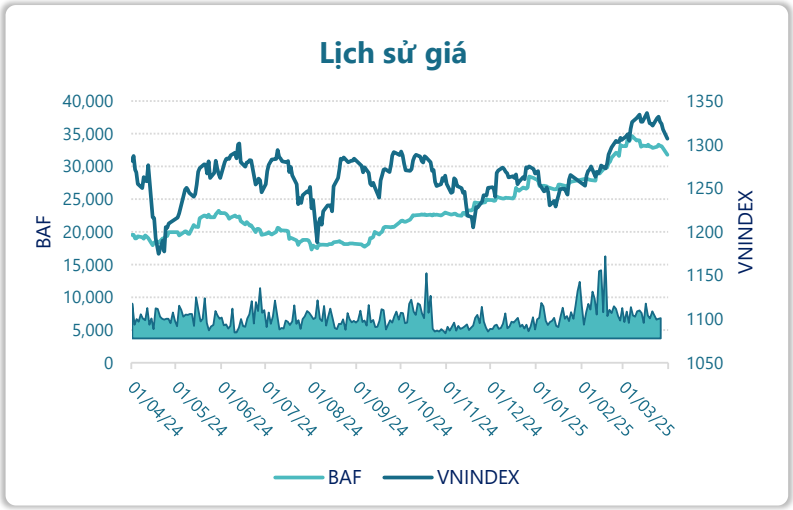

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**31,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,300
SL cổ phiếu LH	304,021,642
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,522,525
% sở hữu nước ngoài	3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,668
P/E	28.8
EPS	1,104

DT thuần

Q1/25

1,124

tỷ VNĐ

QoQ: ▼503| -30.9%

YoY: ▼168| -13.0%

LN sau thuế

Q1/25

134

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.0| 22.5%

YoY: ▲ 15.0| 12.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

10.8%

+/- YoY: ▲ 7.6%

DT thuần

2024

5,641

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 442| 8.5%

LN sau thuế

2024

319

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 289| 952%

ROE

2024

13.1%

+/- YoY: ▲ 11.6%

Kết quả kinh doanh

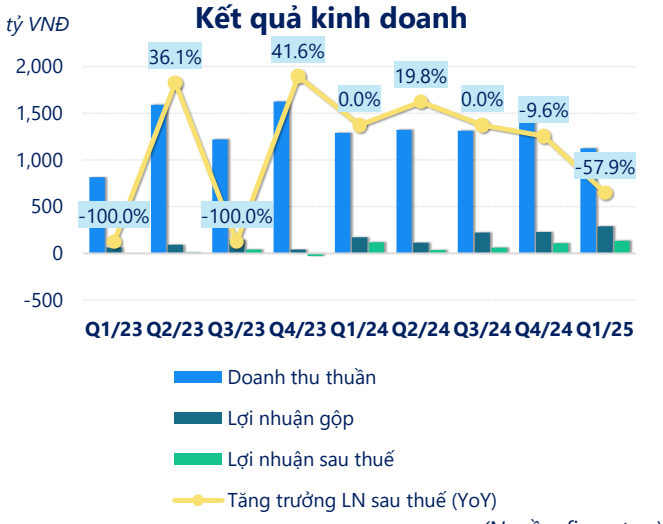

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

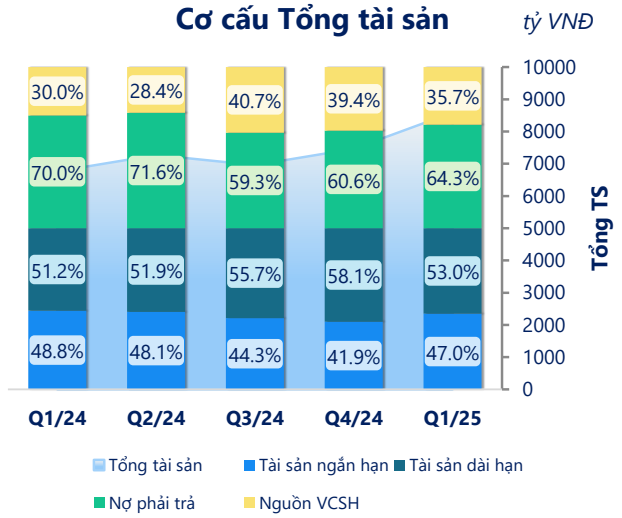

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

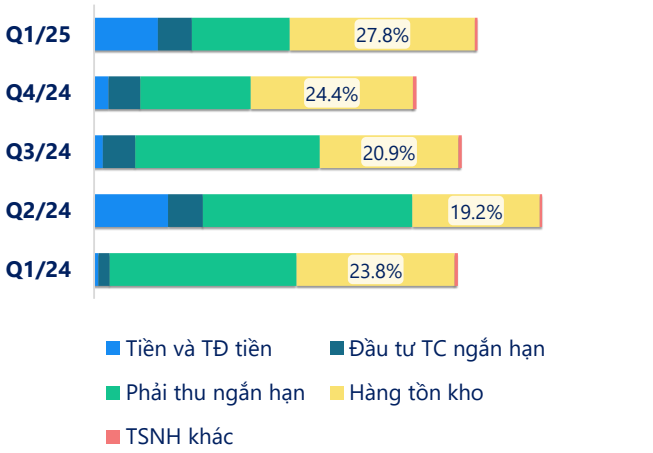

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

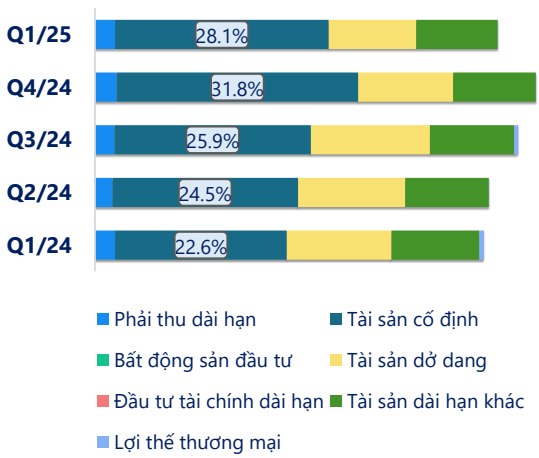

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

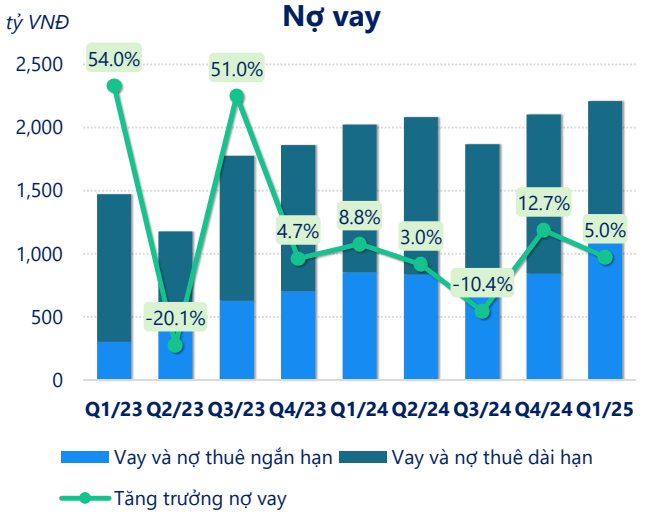

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

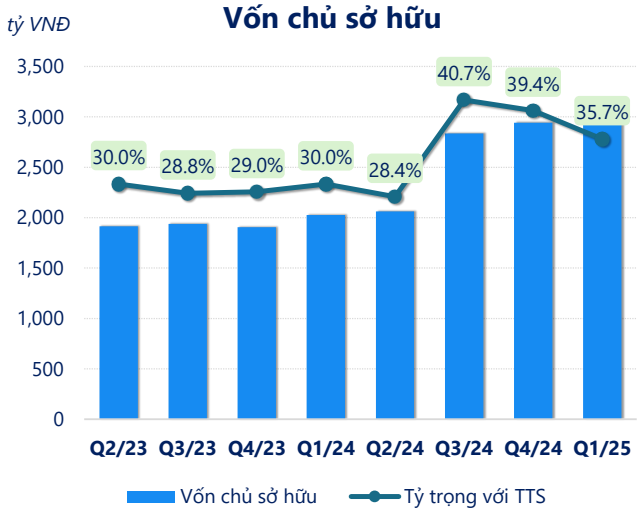

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

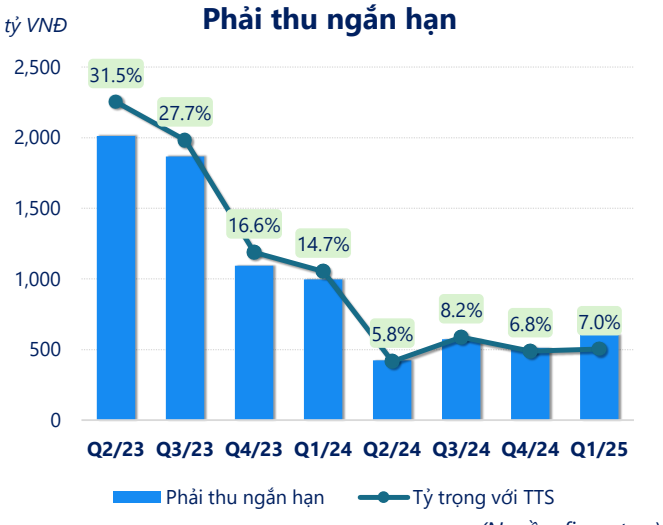

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

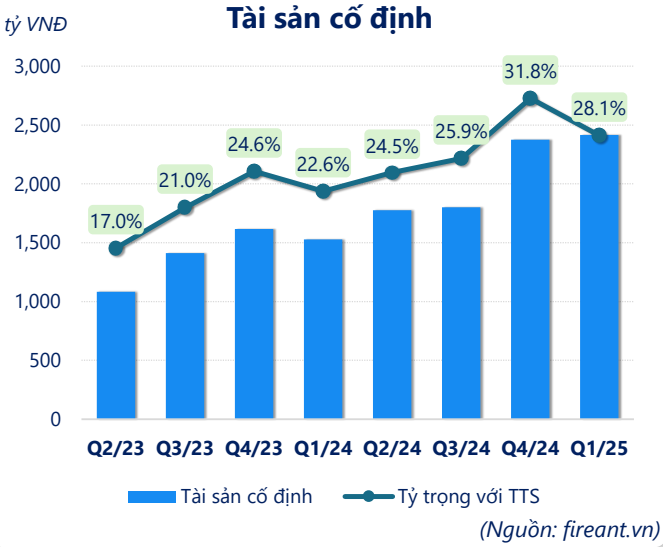

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

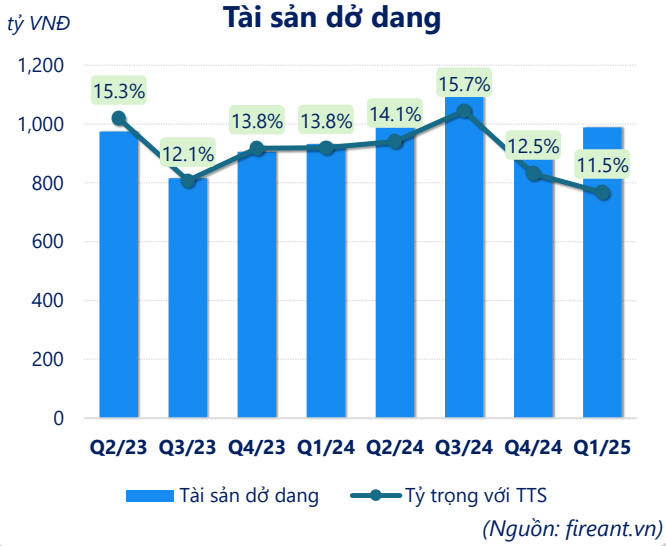

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

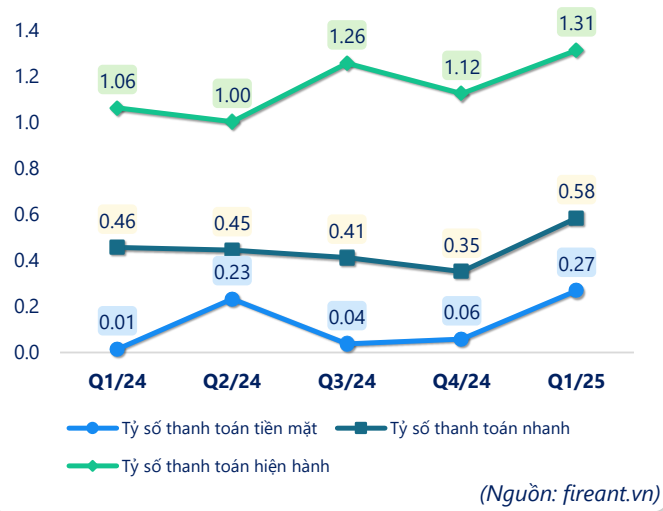

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

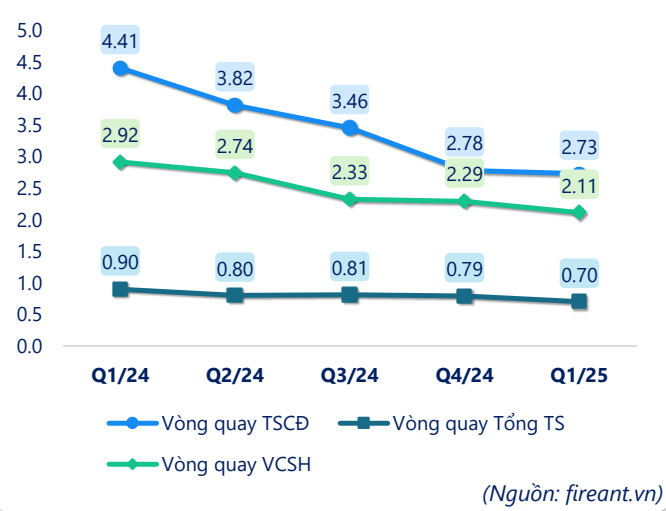

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**6,761**	**7,267**	**6,959**	**7,467**	**8,588**
Tài sản ngắn hạn	**3,297**	**3,497**	**3,080**	**3,130**	**4,033**
Tiền và tương đương tiền	44.8	810	90.3	161	825
Đầu tư tài chính ngắn hạn	346	298	323	268	316
Phải thu ngắn hạn	996	422	572	511	605
Hàng tồn kho	1,883	1,945	2,069	2,152	2,238
Tài sản ngắn hạn khác	27.1	22.8	25.5	38.6	48.7
Tài sản dài hạn	**3,464**	**3,770**	**3,879**	**4,336**	**4,556**
Phải thu dài hạn	179	166	178	213	228
Tài sản cố định	1,529	1,777	1,800	2,375	2,416
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	932	1,025	1,091	932	989
Đầu tư tài chính dài hạn	0.25	0	0.25	0	0
Tài sản dài hạn khác	781	799	770	815	921
Lợi thế thương mại	42.5	2.35	39.0	2.16	2.06
Nợ phải trả	**4,734**	**5,204**	**4,125**	**4,526**	**5,519**
Nợ ngắn hạn	**3,100**	**3,486**	**2,450**	**2,783**	**3,069**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	853	836	666	842	1,256
Phải trả người bán ngắn hạn	1,968	1,735	1,498	1,802	1,564
Nợ dài hạn	1,633	1,718	1,675	1,743	2,450
Vay và nợ thuê dài hạn	1,170	1,247	1,201	1,262	954
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,027**	**2,063**	**2,834**	**2,940**	**3,069**
Vốn chủ sở hữu	**2,027**	**2,063**	**2,834**	**2,940**	**3,069**
Vốn điều lệ	1,435	1,679	2,390	2,390	2,390
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)